

8^o Pièce
INDO-CHINOIS
514

LES

Libérateurs de la race humaine
救世真人

DEPOT LEE
INDOCHINE
N^o 84/2



NICOLAS EMP. DE RUSSIE



M. POINCARÉ PR. DE LA R. F.



GEORGE V ROI D'ANGLETERRE



ALBERT I^{er} ROI DES BELGES

HANOI - IMP. TONKINOISE

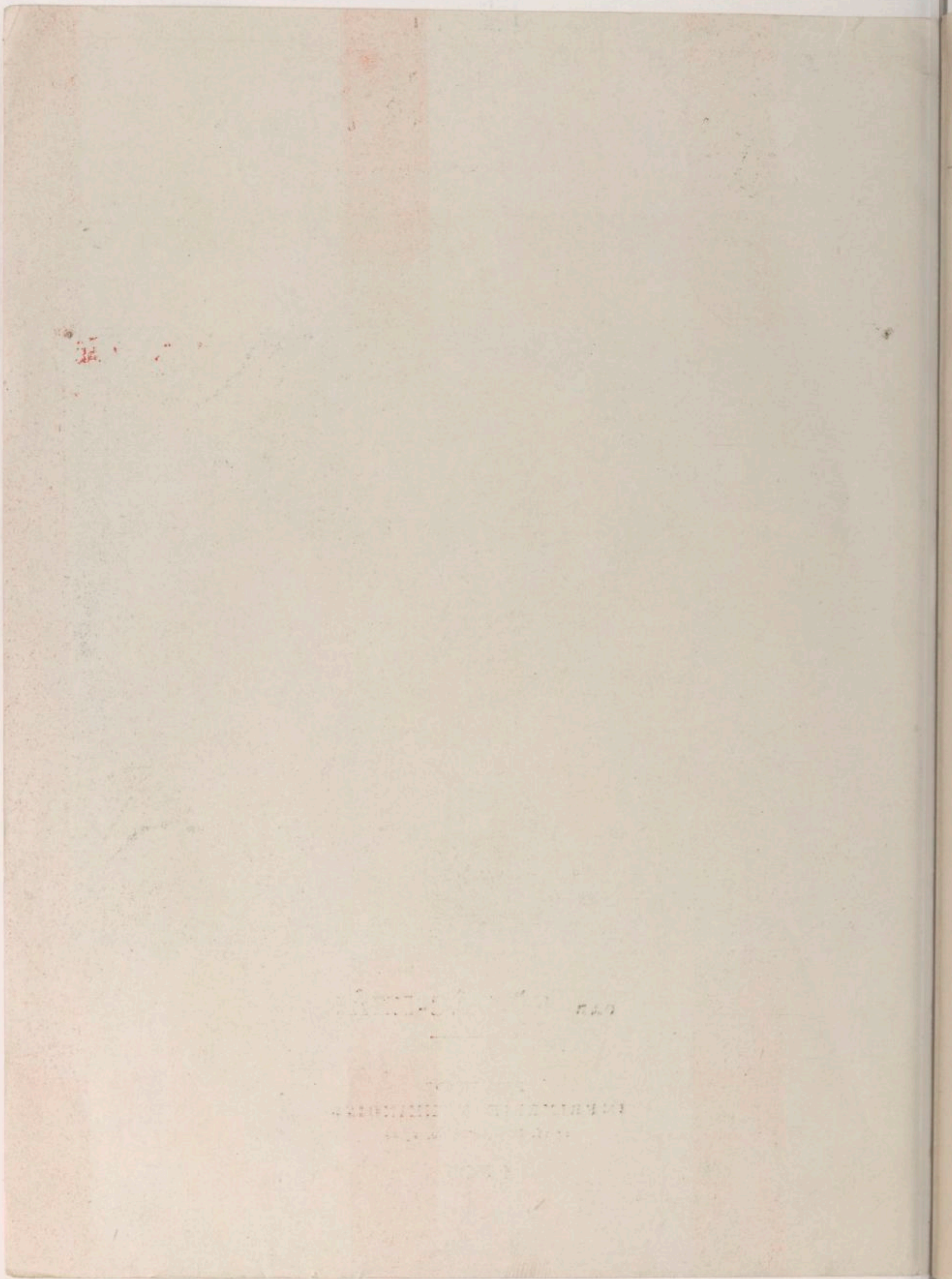
PAR HỒ-ĐẮC-KHAI

HANOI
IMPRIMERIE TONKINOISE

13-16, Rue du Colon, 13-16

1915





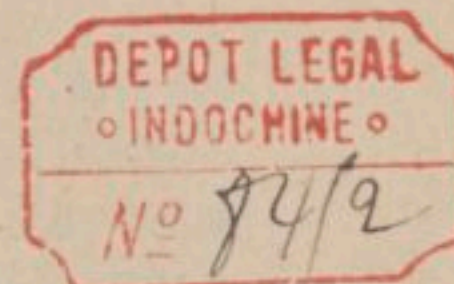
INDO-CHINOIS

LES

LIBÉRATEURS DE LA RACE HUMAINE



救世真人



Các người danh nhơn ở chiến cuộc Châu-Âu

PAR

HỒ-ĐẮC-KHAI



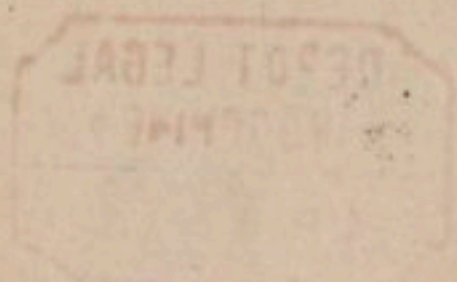
80 Ind.-ch. Piece

517

HANOI
IMPRIMERIE TONKINOISE
14-16, Rue du Colon, 14-16

1915

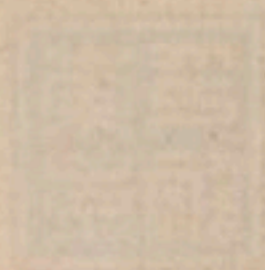
LIBRAIRIE DE LA RACE HUMAINE



人 民 出 版 社

THE PEOPLE'S LIBRARY

HO-BAO-KAI



P R E F A C E

Nous savons tous que notre France protectrice est en guerre avec l'Allemagne : que depuis Août 1914 jusqu'à présent, l'Europe entière est devenue le théâtre de cette guerre ; que le sacrifice en hommes et en argent est considérable ; que cette guerre abominable qui a engendré tant de veuves et d'orphelins est sans précédente dans l'histoire humaine. Cependant la plupart d'entre nous ne savent peut-être pas encore qui a entraîné tant de peuples divers de races différentes dans ce drame terrible.

L'Allemagne, depuis qu'elle s'était annexée lâchement l'Alsace et la Lorraine en 1870, vaniteuse de ses succès militaires, se croyait invincible dans le monde ; elle s'est laissée égarer so tement dans des rêves d'hégémonie mondiale. Par le perfectionnement à leur dernier degré des engins destructeurs, elle a préparé cette guerre pendant 44 ans dans l'ombre et s'est démasqué au mois d'Août 1914 se sentant prête pour l'agression et choisissant le moment qui lui semblait propice.

Ce peuple ne fait pas une guerre loyale ; il a voulu inspirer de la terreur par des actes de banditisme et une destruction méthodique et voulue. Les atrocités sans nom que ces bandits ont commises en Belgique et dans le nord de la France en sont la preuve la plus convaincante : violation, pillage, massacre de la population civile et des blessés, incendie des hôpitaux, destruction des églises. Ce sont les crimes dont les soldats allemands sont capables. Le monde se figure aisément quelle devrait être un jour la domination germanique ! Ces crimes atroces ont valu aux Allemands, non seulement la haine des nations belligérantes mais ils ont encore scandalisé tous les peuples civilisés du Monde.

Et nous pouvons facilement nous rendre compte de l'opinion des neutres sur les crimes allemands en nous reportant à l'opuscule intitulé « La guerre et les intellectuels ».

« Les Américains, a dit Church, littérateur américain, « sont scandalisés et outragés par cette guerre scélérate « qu'a déchaînée l'Allemagne. Forte, armée, blindée comme « elle était, elle ne pouvait être attaquée par personne. Cette « guerre n'a pas de justification pour l'Allemagne. Vaincu « ou vainqueur, le peuple Allemand ne peut jamais espérer « le pardon du monde ».

« Si l'Allemagne, a dit Forel, docteur suisse, sans tenir « compte des conventions internationales, viole la neutralité « de la Belgique, nos petits pays neutres ont tout lieu de s'in- « quiéter pour l'avenir. Mais que les Allemands comprennent « que nous devons nous défendre jusqu'aux dernières gout- « tes de sang contre leurs projets envahisseurs ».

« La France — a répondu aux Universités Allemandes, la « réunion des professeurs Roumains — a enseigné au monde « le droit et la justice. Elle a soutenu les principes de la di- « gnité humaine par sa Déclaration des droits de l'homme. « Nous tenons à protester contre toute tentative d'amoin- « drissement de la France, qui serait du même coup un « amoindrissement de l'humanité entière ».

— Cette guerre soutenue par la France et ses alliées n'est ni une lutte en vue de leurs propres intérêts nationaux, ni même une lutte pour les intérêts de l'Europe, mais bien une lutte d'existence pour l'affranchissement du monde civilisé, pour que désormais l'espèce humaine puisse travailler en paix, pour augmenter son bien-être sans être opprimée par la force. Aussi les grands héros français et alliés qui se battent maintenant sur le front, luttent-ils pour tout le monde, pour affranchir l'humanité entière.

Je me suis permis par conséquent d'intituler cet opuscule dans lequel je reproduis la biographie des grandes figures françaises et alliées et leurs hauts faits d'armes « Les libérateurs de la race humaine ».

Que les lecteurs de cet opuscule n'oublient jamais le nom de ces hommes remarquables sans lesquels, la race humaine aurait déjà été l'esclave de la horde teutonne. La civilisation mondiale ne sera pas exterminée par la barbarie et c'est à ces héros que nous le devons.

Que le public me sache enfin gré d'avoir inséré à la fin de cet opuscule la description et l'historique du Canon 75. — Le canon 75 français est loin d'être un engin barbare de destruction de la race humaine comme les marmites, les gaz asphyxiants ou les liquides inflammables employés par les Allemands : c'est la terreur pour les pirates germaniques, mais c'est aussi la libération pour l'espèce humaine, l'avant-garde de la civilisation mondiale. La France et les puissances alliées honorent de leur reconnaissance les deux savants français qui ont inventé et perfectionné cette merveilleuse arme de guerre, loyale et sûre. A eux vont aussi toute la reconnaissance et l'admiration du monde entier.

HỒ-ĐẮC-KHẢI.

Bài tựa

Anh em đồng bào ta ai cũng biết rằng nước Bảo-hộ ta đánh cùng nước Phổ-lỗ-sĩ.

Từ tháng 8 năm 1914 đến bây giờ cả Châu-Âu thành ra một chỗ chiến trường, người chết, của hết, chồng chẳng thấy vợ, con chẳng thấy cha, thảm hại tàn nhẫn kẻ đã không xiết. Từ khai thiên lập địa đến bây giờ, không có trận giặc nào mà giữ như vậy. Nhưng mà chúng ta phải biết rằng vì ai gây dựng cho nên họa này. Nước Phổ từ năm 1870 hơn nước Bảo hộ ta một trận, lấy đứt thành Alsace và Lorraine, rồi tự nghĩ mình trong toàn cầu không ai giám địch, có ý đoạt chiếm thiên hạ về một tay mình. Rồi mới sắp đặt quân gia, làm tàu, đúc súng, cả nước âm mưu về việc chiến trường đã 44 năm, đến tháng 8 năm ngoái sáng sàng rồi, tự tưởng là gặp thời, rồi mới trở mặt ra.

Trong óc quân ấy chẳng có thí gì là bất nhân hết, thật là quân ăn cướp, chẳng phải là quân đánh giặc. Tự năm ngoái đến nay nó phá hại cả nước Tỉ-lí-thì và phía bắc nước Đại-pháp, hãm người, lấy của, diệt đảng bà con nít, bằng những kẻ già yếu bị thương, phá nhà thương, đốt nhà thờ, chẳng có điều gì tàng nhẫn nó làm chẳng đến nơi. Như ví khiến quân ấy một mai lên làm vua toàn Cầu, thời ai mà chịu được. Cho nên chi không phải là người các nước đồng-minh dạn nó mà thôi, chúng nó kết oán cả toàn Cầu. Người văn-minh các nước ai ai cũng lấy làm bất bình lắm.

Nay chúng ta coi trong nhứt trình của mấy người văn nhơn các nước làm ra, nói tình tệ nước Phổ, thời biết hết.

Ông bác-vật người nước Mỹ là Church nói rằng : « Người nước Mỹ ai ai cũng dạn nước Phổ về sự tàng nhẫn. Giàu mạnh và đông người như nước Phổ, thời trong toàn cầu nghĩ cũng không có nước nào đến đánh, mà nước Phổ tham tâm quá, thời thế tất trận này rồi, hơn hay là thua trong toàn-cầu cũng không ai tha tội nước Phổ. »

Người nước Thụy-sĩ tên là ông Forel nói rằng : « Coi như nước Phổ không kể hòa ước làm trọng, mà đánh nước Tỉ-lì-thì, thời nước Thụy-sĩ cũng là nước nhỏ, có ngày cũng bị tàn hại như thế ! Nhưng mà phải biết rằng chúng ta tuy là nhỏ, cũng liệu mình chống cự lại cho nước Phổ coi. »

Hội thầy giảng học ở nước Roumanie trả lời cho Hàn-lâm viện nước Phổ có câu rằng : « Nước Đại-pháp giảng công bằng cho thiên-hạ, loài người biết tự nhò binh quyền là ơn nước Pháp xướng lên đầu. Cho nên chúng ta quyết chống lại nước nào ăn hiếp nước Pháp là cũng như ăn hiếp cả loài người. »

Nước Bảo-hộ ta cùng các nước đồng-minh đánh trận giặc này là không phải vì lợi một mình, một nước hay là một châu Âu mà thôi, thật là cứu cả toàn-cầu. Đề từ nay về sau cho ai ai cũng ăn làm sung sướng, khỏi sự giặc giã tàn hại nữa. Như biết thế thời rằng người Bảo-hộ và các nước đồng minh ra đánh trận này là đánh giặc cho cả toàn cầu để cứu loài người. Cho nên chúng tôi làm quyển sách này, đem lý lịch sự tích những ông Đại-tướng nước Pháp và các nước đồng minh vào, gọi là « Cứu thế chơn hơn ». Anh em ai đọc sách này xin nhớ lấy mấy ông danh hơn ấy và xin biết cho rằng không có những người như thế sinh ra mà cứu đời, thời loài người đã phải bị làm nô lệ nước Phổ hết.

Chúng ta ngày sau khỏi bị binh cách tàn hại, lấy văn-minh mà khai hóa toàn cầu là nhờ mấy ông ấy.

Sau quyển sách này chúng tôi đem khẩu súng 75 nối theo, xin anh em cũng chẳng lấy làm lạ gì. Súng 75 của nước Pháp không phải như trái phá, thuốc độc, dầu hỏa của nước Phổ, để làm tàn hại loài người, súng này dùng ra mà đánh giặc để cứu loài người ; nhờ có súng này mới đuổi được quân Phổ. Chẳng những là nước Pháp và các nước đồng-minh cảm bội ơn ấy mà thôi, cả toàn cầu đều biết ơn hai ông bác-vật nước Pháp chế khẩu súng ấy ra.

HỒ-ĐẮC-KHẢI.

CÁC NGƯỜI

DANH NHỎ Ở CHIẾN CUỘC CHÂU-ÂU

JOFFRE Đại Thống-soái thủy lục quân nước Đại - Pháp

Ông JOFFRE sinh tại nước Đại-Pháp (năm 1854), con một ông thợ đóng thùng rượu, nhà cửa cũng tầm thường. Đến lúc ngài được 16 tuổi, thời đã đậu bằng cấp tú-tài về khoa cách-trí, 17 tuổi vào trường quan võ gọi là Polytechnique. Đến năm 1870, về lúc nước Phổ nước Pháp đánh nhau, ngài đã làm quan một, lúc ấy đã có tiếng giỏi. Sau giặc yên rồi, đến đời đức Mac-Mahon làm Giám-quốc, ngài coi về việc xây thành ở Paris, được thăng lên quan ba. Lúc ấy ngài mới có hai mươi hai tuổi mà thôi. Sau rồi ngài cầm quân qua đánh ở Nam-kỳ và ở xứ Soudan về châu Phry, đều được thắng trận.

Đến lúc khải hoàn, ngài làm thầy giáo ở trường Fontainebleau, dạy cho các quan binh học về việc xây thành đắp lũy.

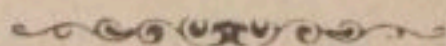
Đến năm 1911, ngài thăng lên làm Đại Thống-soái lục quân nước Đại-Pháp. Từ lúc ấy về sau, ngài mới sắp đặt binh cơ, đắp thành lũy, để phòng giặc giã ngày sau. Qua ngày mồng ba tháng tám tây năm 1914, nước Phổ đưa chiến-thor, thời Pháp đình mới giao quyền Đại Thống-soái thủy lục quân nước Pháp để đánh giặc.

Tánh ngài không hay khoe khoang, ít nói. Từ nhỏ đến lớn cứ giữ bền phận mà làm mà thôi. Cho nên ít người biết ngài. Lúc ngài làm thầy giáo, học trò cũng không ngờ là ngài làm đến Đại Thống-soái. Ngài là một người thông thái về việc binh cơ lắm. Trong lúc nguy biến dữa chiến trường, lúc nào ngài cũng tỉnh lắm. Khi nào mưu chước định đoán rồi, ngài mới ra hiệu lệnh. Cho nên quân giặc khó lường ngài lắm.

Lúc đánh trận giặc ở sông Marne gần thành Paris, giặc đã gần hãm kinh-đô Paris, mà ngài cũng cứ tỉnh lắm. Đến lúc ngài trù toán xong rồi, mới truyền cho quân rằng : « Lúc này đánh trận này là quan hệ về việc tồn-vong trong nước. Hễ đội nào không tấn tới được, thời cũng phải giữ lấy đất mình, thà là chịu chết không thà thối lui ». Lạnh truyền ra, thời quan quân ai cũng thí thân ra mà đánh giặc. Cho nên mới hơn được trận ấy.

Quân Phổ từ thua trận ấy đến bây giờ thời là mỗi ngày mỗi thối lui ra luôn.

Trời giúp vận nước Đại-Pháp sinh tài ngài ra, để cứu châu Âu. Khi nào còn ngài thời nước Pháp và các nước Đồng-minh đều vững lòng, chờ ngày thâu công.



Ông PAU Đại Tướng-quân nước Pháp

Ông PAU sinh năm 1848, ở xứ Montélimar về tỉnh Lorraine. Ngài là con một ông quan ba, ông ấy có đánh trận La-Mã (Rome) năm 1849, bị đau mà mất. Lúc nhỏ ngài mồ côi cha, nhờ bà mẹ và bà chị ngài nuôi ăn học.

Lúc ngài mới được mười bốn tuổi, vào học trường Flèche, bạn học với quan Đại Tướng-quân hiện bây giờ giữ thành Paris, tên là ông GALLIÉNE.

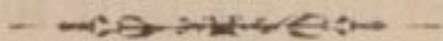
Học trong trường lớp nào ngài cũng đứng đầu, anh em bạn học với ngài ai ai cũng yêu-mến. Đến năm 1867, ngài vào trường quan võ Saint-Cyr. Lúc ấy ngài có danh tiếng lắm. Năm 1870, lúc Phổ Pháp đánh nhau, ngài làm quan một. Còn bà mẹ và bà chị ngài đi nuôi người bị thương tại thành Nancy. Đánh trận Woerth, ngài phải ba lần bị thương. Lúc đem ngài về nhà-thương, thì ngài nghe quan thầy thuốc nói với nhau rằng ở nhà-thương thuốc mê gần hết, chỉ để cho người nào nặng lắm thôi. Đến lúc đem ngài ra, quan thầy thuốc thấy ngài bị thương nặng phải cho thuốc mê mà cưa tay. Ngài mới trả lời rằng: « Để thuốc mê cho lính, tôi chịu cưa tay không cần thuốc mê ». Rồi ngài lấy khăn vuôn ngâm vào miện dơ tay cho thầy thuốc cưa.

Sau ngài bị giặc bắt ở thành Alsace. Bà mẹ ở nhà trông hoài không thấy, bà chị ngài mới qua quân giặc xin ngài về. Nhờ thầy thuốc khám nói ngài không có lẽ cầm súng được nữa, mới tha về. Chưa được ít lâu, dấu bị thương chưa lành, ngài đã xin ra trận. Bà mẹ và bà chị ngài nói ngài chùng tay gì cũng còn yếu lắm, chưa có lẽ đi được. Ngài trả lời rằng: « Bồn phận phải đi ». Đến năm 1911, Pháp đình và hội đồng quan binh cử ngài lên làm Đại Thống-soái, nhưng mà ngài nói rằng ngài chỉ còn vài năm nữa đến hạng hưu trí, ngài xin nhượng lại cho ông JOFFRE, quan đại Thống-soái hiện bây giờ. Còn ngài cứ làm đại Tướng-quân lưu-thủ thành Nancy. Qua năm 1914, ngày mồng ba tháng tám tây, nước Phổ hạ chiến thư, rồi Pháp đình mới sai ngài đi kiết hảo với các nước lân quốc, ngài qua nước Ý-đại-lợi, nước Roumanie rồi qua nước Nga. Ngài đi đến đâu thời người các nước mừng rỡ cả. Coi sự tích ngài thời biết ngài là một người trung nghĩa thương nước từ xưa đến nay, trong sách sử cũng ít người bằng ngài.

Ông FOCH, quan Đại Tướng-quân nước Pháp Lưu-thủ thành Nancy

Ông FOCH người ở xứ Tarbes, sinh năm 1851, con một quan Tá-nhi ở tỉnh ấy. Ngài lúc nhỏ học ở trường Saint-Clément về tỉnh Alsace. Lúc còn học trò ngài có tài lắm, văn chương cách trí đều giỏi cả hai khoa. Ông thầy giầy ngài khen rằng : « Toán pháp tinh thông lắm, một ngày kia sẽ thành một ông quan võ giỏi lắm ». Đến năm 1871, ngài vào học trường Polytechnique, rồi vào trường Fontainebleau. Đậu ra rồi làm quan binh coi quân ở thành Tarbes ; qua làm thầy giầy quân kỵ-mã ở thành Saumur. Năm 1858, thăng lên quan ba mới vào học ở trường quan võ lớn ; thăng lên làm quan tư, trở về làm thầy giầy binh thơ đồ trận ở trường ấy. Đến năm 1898 mới thăng lên chức quan năm. Năm 1903, ngài qua coi quân ở thành Laon, rồi đổi qua thành Vannes. Đến năm 1907, thăng lên chức quan sáu, coi quân pháo-thủ ở thành Orléans rồi về làm Tổng-thống ở trường quan võ lớn. Lúc về làm Tổng-thống ở trường ấy, thời ngài nghĩ rằng : trường ấy là một chỗ để giầy quan võ, để sau ra mà dùng lúc trận tiền, thời phải cho thật đứng sức giỏi mới được. Về việc binh thơ đồ trận, quan võ nước Pháp còn thua nước Phổ nhiều lắm, là vì bên nước Phổ quan võ phải học ba năm, mà nước Pháp chỉ có hai năm, mà thôi. Ngài mới xin gia thêm một năm nữa, để học cách đánh giặc. Đến năm 1912, ngài qua coi quân ở thành Chaumont rồi đổi qua thành Nancy. Lúc giặc nổi thời ngài hiện còn ở đó. Trận Yser ở nước Bỉ-lợi-Thi và trận Marne ở gần Paris đều được thắng trận, là công ngài nhiều lắm. Tánh ngài ít nói, cũng như quan JOFFRE. Ngài với quan JOFFRE là tương đắc nhau lắm,

cho nên tin nhau lắm. Lúc đánh trận La Marne ngài làm trung quân, đốc tại thành Sézanne, quân giặc đánh đã ba ngày mà ngài cứ vững vàng lắm, đến lúc ngài mới thừa cơ, đánh một trận ở Flamire thì quân Phổ bị thua ngay. Trận ấy ông FRENCH Đại Thống-soái nước Anh khen ngài giỏi lắm. Ngài có một người con và một người rể ra đánh giặc đều chết dữa chiến trường, mà ngài tuy là thương xót mặc lòng, cứ hết sức đánh giặc không khi nào ngã lòng cả. Coi như thế thời biết ngài là một người gan đảm và trung nghĩa biết bao nhiêu. Danh tiếng ngài bây giờ khắp cả toàn cầu ai ai cũng biết hết.



CASTELNAU Đại Tướng-quân nước Đại-Pháp

Ông CASTELNAU, sinh ở xứ St Afrique tại nước Đại-Pháp, danh tướng hiện bây giờ. Lúc Phổ Pháp đánh nhau năm 1870, ngài mới ở trường võ bổ ra làm quan một. Sau giặc yên rồi, ngài thăng lên chức quan ba. Sau lên chức quan năm về coi binh ở thành Nancy.

Ngài là gan đảm và tinh thông về trận thế lắm. Cho nên quan Đại Thống-soái tin cậy ngài lắm. Trận đánh ở Grand Couronné và ở Mortagne ở thành Alsace, là nhờ có ngài cho nên mới hơn được quân Phổ. Ngài có ba người con cũng làm quan võ. Ngày 20 tháng tám tây, hai ông con chết tại trận tiền, còn một ông bị thương, mà ngài cũng không lấy làm quan tâm, cứ cầm binh ra đánh như thường. Coi thế thì là biết ngài trung nghĩa biết bao nhiêu. Cho nên trong tờ khen ngài có câu « Từ khi sự đánh đến nay, ông Đại tướng-quân CASTELNAU cứ cầm quân đánh giặc như thường, hai người con chết,

một người bị thương mà ông ấy cũng không ngã lòng, cứ cầm quân vững vàng đánh giặc như thường ». Thì biết rằng nhà ngài từ cha đến con đều trung nghĩa cả nhà, liều mình giúp nước. Nghe tên thì người nào cũng lòng cảm động cả.

Ông GOURAUD Đại Thống-soái nước Pháp

Cầm quân đánh nước Thổ-gĩ-Kỳ. Trong các quan Đại-tướng nước Pháp hiện đánh giặc bây giờ, ông GOURAUD trẻ tuổi hơn hết. Ngài chỉ có bốn mươi bảy tuổi mà thôi.

Lúc trước ngài qua đánh giặc Maroc ở Châu-phý, hơn được nhiều trận danh tiếng lắm. Lúc hãm được thành Taza, là nhờ ngài cả.

Đến năm ngoai giặc nổi, rồi ngài mới về coi quân tại xứ Argonne, ngài đi đến chỗ nào thời quân Phổ phải thối lui cả. Sau ngài vào nhà thương thăm lính, bị thương cánh tay trái, may cũng không cang gì, thầy thuốc bảo ngài về nhà thương chữa bệnh, mà ngài không muốn từ chức, cứ ở cầm quân đánh giặc mà thôi. Qua đến ngày mồng chín tháng năm, năm nay ngài được chỉ dụ sai qua lãnh đạo quân đánh nước Thổ-gĩ-Kỳ ; hiệp sức với quân nước Anh-các-Lợi, ngài mới xuống chiết tàu gọi là Charlemagne, để đi qua xứ Dardanelles. Lúc ngài đi dữa biển, là thiệt nguy hiểm quá, may mà qua khỏi. Qua cầm quân được hai tháng, đánh trận nào hơn trận ấy.

Đến ngày 30 tháng sáu, ngài đi với một ông quan năm hầu để thăm lính bị thương. Lúc ở nhà binh đi ra, thời bất thành lính bị một trái phá giặc bắn ; ông quan Năm bị bể đầu, còn ngài thì văng xa ra, bị thương nhiều

chỗ lắm, tay mặc và hai cánh chùng què cả. Khi ấy mới chở ngài xuống chiếc tàu gọi là Tchad, để về nước Pháp. Lúc đi là ngài chỉ còn một tay mà thôi, mà ngài cũng gắng viết tờ từ giả ông Đại-tướng nước Anh và khuyến miễn quan quân đã, rồi mới xuống tàu.

Lúc xuống tàu, đi nửa đường, quan thầy thuật thấy nặng quá mới nhất định cưa tay ngài, sau mới khỏi chết. Về đến nước Pháp, thời Hoàng-đế nước Anh đánh giây thép chúc ngài mau lành và lấy làm thương tiếc lắm. Lúc về đến thành Paris, đức Giám-quốc đến nhà thăm ngài, và thay mặc cho nước Pháp để cảm tạ công đức ngài với chúc cho mau lành, rồi mới lấy bội-tinh quân-công đeo vào ngực ngài. Lúc ấy ngài lấy làm cảm động quá.

Coi như sự tích ngài, thời biết gan đảm trung nghĩa không biết bao nhiêu mà kể. Thật là một ông trung thần nghĩa sĩ từ xưa nay cũng ít có người bằng.

ông DE MAND'HUY Đại tướng-quân nước Pháp cầm quân ở nước Tỉ-lợi-Thì

Ông DE MAND'HUY sinh ở xứ Metz về tỉnh Alsace năm 1857. Theo hàng các quan Đại tướng-quân hiện bây giờ, thì ngài là trẻ hơn hết. Ngài đánh trận La Bassée, được thắng trận mới được thưởng nhị hạng Bắc-đầu bội-tinh.

Trong tờ khen ngài có câu rằng: « Ông Đại tướng-quân DE MAND'HUY cầm quân vững vàng hết sức. Từ lúc nổi giặc đến nay được ông này coi đạo quân này chinh đồn lắm.

Đến bữa 14 và 15 tháng tám, đem quân ra trận vững vàng hết sức. Trong trận đánh bữa 18, 19, 20 tháng tám

ông ấy gan đảm vô cùng, làm gương cho cả quân sĩ». Cui thế thời biết ngài tuy trẻ hơn các ông khác, nhưng mà về việc chiến trận tài ngài cũng không kém gì ai. Lúc trước ngài giầy ở trường quan võ lớn, học trò của ngài sau ra đều danh tiến cả.



Ông DUBAIL Đại tướng-quân nước Pháp

Ông DUBAIL sinh tại xứ Belfort năm 1851, người tỉnh Alsace. Năm 1870, Phổ Pháp đánh nhau, ngài mới ở trường quan võ St-Cyr bỏ ra làm quan một. Giặc yên rồi, ngài thăng lên chức quan ba, rồi vào giầy đồ trận ở trường quan võ. Đổi qua làm quan hầu cho quan Thượng thư bộ binh là ông THIBAUDIN và ông BOULANGER, rồi đổi qua làm giám binh ở xứ thuộc địa ở Phy-Châu thành Alger. Đã mười năm rồi về thăng lên chức quan sáu, coi quân ở thành Grenoble. Qua đời ông BERTEAU làm Thượng thư Bộ binh, đem ngài về làm quản-ly. Sau đổi qua làm Tổng-thống ở trường quan võ St-Cyr rồi thăng lên chức Đại tướng-quân Luru-thủ ở xứ Belfort. Lúc giặc nổi, thì làm tiên-phong cầm quân ở sông Meurthe, đạo quân ngài bị quân Phổ hãm ở thành Alsace mà ngài cứ ngự lại như thường, chẳng những là khỏi thua mà lại được thắng trận. Sau rồi quan Đại Thống-soái duyệt quân, gặp ngài thì động lòng lắm, hai ông cầm tay nhau hơn một buổi tròn, mà không nói một tiếng, là vì hai ngài tình cảm động nhau quá không nói được nữa.

Coi thế thì biết ngài là một ông danh tướng trong cuộc chiến trường này.

GRAND DUC NICOLAS Đại Tổng-thống nước Nga

Ngài là người Hoàng-phái nước Nga, em dức Hoàng-đế NICOLAS II bây giờ. Ngài là một người trung trực lắm. Vì thế cho nên lúc nước Nga nước Nhật đánh nhau, ngài không được dự cầm binh.

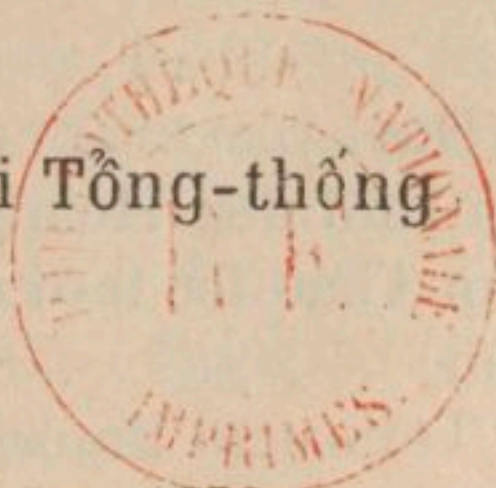
Năm 1877, ngài học ở trường quan võ ở kinh đô nước Nga đậu ra, đi qua đánh nước Thổ-gĩ-kỳ. Lúc qua sông Danube quân lính đều sợ hãi cả, mà ngài xông tên đạn mà lội qua sông để đuổi giặc. Trận ấy rồi về ngài được thưởng mảy đay Saint-Georges.

Coi thế thời biết lúc ngài còn trẻ gan đảm như thế. Năm 1913, ngài qua nước Đại-Pháp coi duyệt binh ở thành Nancy, qua năm sau, ông JOFFRE qua nước Nga, tự đó hai ngài quen nhau rồi kết làm bạn thiết cùng nhau. Lúc nước Phổ gây giặc cùng nước Nga, dức Hoàng-đế cử ngài làm Đại Thống-soái, cầm quân ra đánh giặc.

Ngài là một người có danh tiếng lắm cho nên toàn cả nước Nga đều tin phục ngài cả. Về việc binh cơ, ngài thật là bậc thông thái lắm và vững vàng vô cùng, cho nên trận đánh ở Pologne và ở Galicie, ngài đều hơn quân Phổ luôn. Bây giờ ngài hiện làm Kinh-lược ở xứ Caucase.

LAPEYRÈRE Thủy-quân Đại Tổng-thống nước Pháp

Ông LAPEYRÈRE sinh tại Castera năm 1852, con ông Louis Emmanuel. Ngài lúc nhỏ trong nhà ngài và trong



xứ ngài cũng không ai học về thủy. Sau cậu ngài là ông DUPONY làm Đại Tổng-thống thủy-sư nước Pháp, mới đem ngài vào học trường thủy-sư Borda.

Năm 1870, nước Phổ nước Pháp đánh nhau, ngài ra đánh giặc có công. Sau rồi ông Thống-soái COURBET qua đánh nước Tàu, ngài làm quan một coi chiết tàu thủy-lôi. Chiết tàu ấy nhỏ mà chưa được tốt như chừ, ngài phải xông tên đang đem trái phá đến khít tàu giặc mà bằng. Bắc được tàu Phon-lo của nước Tàu. Sau qua coi chiết tàu trận gọi là Vipère. Giặc yên rồi, ngài được thăng lên chức quan ba thủy. Rồi coi chiết tàu Casmao và Bre-mus, lại thăng lên làm Thống-soái thủy-sư ở xứ Terre-Neuve, thuộc địa ở Châu Mỹ. Lúc ngài thăng lên Thống-soái, thì còn trẻ lắm. Trẻ hơn cả các quan Thống-soái thủy-sư toàn cầu. Sau về nước Pháp làm Thống-soái đạo quân thủy ở biển bắc và quân thủy ở Địa-Trung hải, Lại lên làm Thượng-thor bộ thủy-sư.

Bây giờ ngài coi đạo thủy-sư ở Địa-Trung hải, giữ biển Adriatique. Ngự quân thủy nước Úc, giặc không giám ra chống lại.

Đức ALBERT 1^{er} Hoàng-đế nước Bỉ-lợi-Thi và Đức Hoàng-Hậu ELISABETH

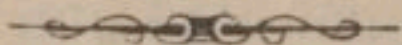
Đức ALBERT 1^{er} là bà con với ông Công-Hầu FLANDRE, em ruột đức Hoàng-đế LÉOPOLD thứ hai. Lúc ngài còn làm Thái-Tử thời dân nước Bỉ-lợi-Thi đã yêu mến ngài lắm.

Tính ngài thường thường thế mà thôi. không hay làm cái gì khác lạ người ta, cho nên ai ai cũng kính nể lắm. Đến lúc lên làm vua, thì trong nước người nào cũng

thương phục đức độ ngài lắm. Ngài thẳng mà giữ lời nói. Cho nên lúc vua GUILLAUME nước Phổ đưa tờ qua hỏi ngài có chịu để cho quân Phổ qua ngang nước Bỉ không. Như chịu vâng lời thì nước Phổ chịu bảo lãnh cho nước Bỉ dặng yên, và nhiều bề lợi, nếu không thì trong 12 giờ nữa đem quân qua đánh. Đức ALBERT vẫn biết rằng quân nước Bỉ sao bằng nước Phổ được. Nếu đánh thì nước Bỉ chắc thua. Nhưng mà ngài nghĩ rằng trong tờ hòa ước với nước Đại-Pháp ngài có ký tên vào. Nếu để cho quân Phổ qua, thì sai lời thề với nước Pháp. Thà là đánh không thà là chịu chữ bất tín. Ngài mới trả lời cho vua Phổ rằng: «Không». Khi ấy nước Phổ mới đem binh qua đánh. Ngài cũng hết sức ngự lại. Nhưng mà nước nhỏ làm sao chống với nước lớn được. Bây giờ tuy là còn một hai tỉnh về ngài mà thôi. Quân Phổ chiếm hết nước Bỉ. Ngài phải qua ở đậu thành Le Havre nước Đại-Pháp. Còn dân sự phải xiêu lạc qua các nước khác. Nhưng mà không có một người nào than oán gì hết, là vì biết ngài làm chuyện phải. Còn trong cả toàn cầu, nước nào cũng cảm động đức độ của ngài. Nước Đại-Pháp nhờ có ngài mới ngự lại quân nước Phổ. Bây giờ vua các nước ai ai cũng thương mến ngài, kính trọng ngài, hơn là vua một nước lớn mà tàng nhân và nói láo như là vua nước Phổ và vua nước Úc.

Năm 1910 ngài còn làm Thái-Tử, cưới bà Hoàng-hậu ELISABETH con gái ông Công-Hầu BAVIÈRE. Bà Hoàng-hậu ELISABETH là một người đức độ, ai ai cũng tin phục lắm. Dân nước Bỉ coi ngài như mẹ. Lúc ngài về với Đức ALBERT 1^{er}, thì lo giúp nước Bỉ về trong các việc văn chương và cách trị cho có tấn bộ. Khi nào cũng hiền lành khiêm cung, hay làm chuyện nhơn đức. Từ lúc nước Bỉ bị giặc giã đến bây giờ, ngài làm nhà thương nuôi người bị thương khi nào cũng sẵn sàng chăm chỉ. Thật là từ xưa

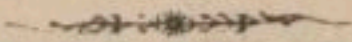
đến nay, trong sách sử toàn cầu cũng ít thấy được một bà Hoàng-hậu như thế.



Jhon JELLICOE Đại Thống-soái thủy-sư nước Anh

Ông Jhon JELLICOE sinh tại xứ Southampton ở nước Anh năm 1859, con một ông quan ba thủy tên là JELLICOE. Lúc nhỏ học ở trường Rottingdeaux. Ngài thông minh và ham học lắm. Lúc được 12 tuổi, ngài hạc vào thủy-sư đậu vào học ở chiếc tàu Britannia. Học mau giỏi lắm, hơn hết những người bạn học đồng thời với ngài.

Đến năm 1882, ngài giữ coi quân ở chiếc tàu Agincourt qua đánh nước Ai-Cập. Lúc ấy ngài và ông đầu triều nước Anh bây giờ là KITCHENER còn làm quan một, hai ông ấy từ nhỏ đến lớn mới cầm súng lần đầu. Đến năm 1900, ngài thăng quan ba, qua đánh giặc khách, trận Tien-sin ngài bị thương nặng gần chết, sau may qua khỏi. Quan thầy thuốc nói ngài có lành nữa sau cũng bị tật tay trái. Song le bây giờ ngài thật lành nhưt, không có tật gì hết. Đến tháng bảy năm 1914, trước lúc giặc nổi 15 ngày, Hoàng-đế nước Anh mới đại duyệt thủy-sư, cử ngài lên làm thủy-sư Đại Thống-soái, thật là xứng đáng tài ngài lắm, không có ai hơn được.



Ông Louis CADORNA Đại Thống-soái quân nước Ý-đại-Lợi

Ông Louis CADORNA sinh tại Pallanza, về nước Ý-đại-Lợi, con một ông đại-tướng tên Raphaël CADORNA. Ông

ấy lúc trước có đi đánh trận Crimée với quân Pháp đồng minh. Nhà ngài nhiều người danh tiếng lắm và một nhà trung nghĩa tự xưa nay. Lúc nhỏ ngài học tại trường quan võ ở thành Milan, sau lên học trường lớn ở thành Turin. Ngài có một ông con cũng có tài lắm, hiện bây giờ cũng làm quan võ.

Năm 1911, ngài ra coi đạo quân gọi là Armée Bleue, có danh tiếng cả toàn cầu. Ngài là một người thông minh siêng năng vô cùng, lại có tánh cường kỷ nữa. Trong mấy cái xứ biên thùý ở nước Ý-đại-Lợi, ngài coi thuộc hết. Từ cái cầu, núi cho đến cái sông, cái hói, chẳng chỗ nào là ngài không biết, không nhớ.

Nước Đại-Pháp được một người bạn như ngài thiệt là trời cho.

Coi trận-đồ ngài sắp đặt ở xứ Carso và xứ Tyrol bên nước Ý-đại-lợi thì mới biết ngài là một ông danh tướng.

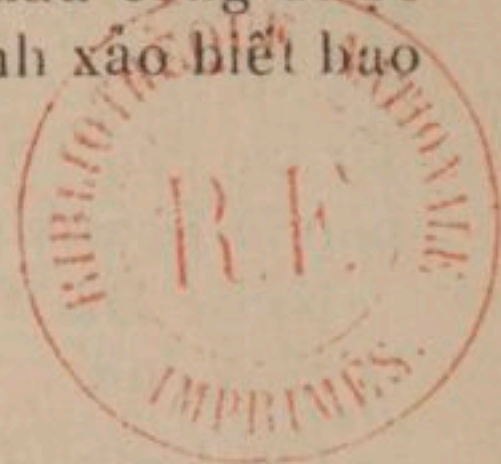
Súng 75 của nước Đại-Pháp ăn nhứt ở toàn cầu

Súng 75 là súng của nước Đại-Pháp, bắn mau lắm, lòng rộng 75 millimètres.

Năm 1897, ông bác-vật Saint-Claire DEVILLE và ông DEPORT làm ra đầu, từ lúc ấy đến bây giờ các nước đều bắt chước theo cách thức ấy mà chế ra súng khác. Súng ấy bắn xa 529 thước tây, bắn một trái phá nặng 7 kil. 240 đựng ba trăm hòn đạn. Như bằng thuốc thời đi xa được 889 thước, là vì thuốc nhẹ hơn. Trong một phút đồng hồ bắn được hơn hai mươi phát. Súng đặt trên một cái máy gọi là glissière, bắn rồi thời lui, rồi có máy đẩy tới tự nhiên không phải cần nhắm lại, cho nên bắn mau lắm.

Người các nước đều bắt chước súng ấy về chế ra súng khác, nhưng mà quân Phổ lại chế ra súng 77, tuy là lớn hơn súng 75 của nước Pháp, song le súng nước Phổ chỉ bắn một phát rồi lại phải nhắm lại, cho nên mất ngày giờ mà bắn lâu, không được thần hiệu như là súng nước Pháp.

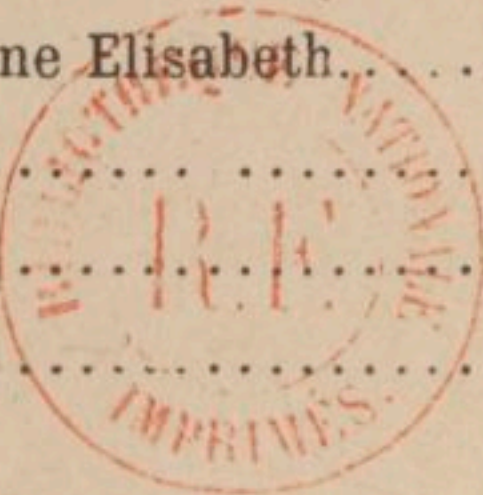
Tự có súng ống đến bây giờ, chưa có thức súng nào khéo bằng súng ấy, cho nên hơn giặc được nhiều trận, cuộc chiến trường bây giờ nhờ súng ấy thân công được nhiều. Coi thế là biết người nước Pháp tinh xảo biết bao nhiêu.



*Certifié conforme au tirage
S'élevant à Deux mille exemplaires
Paris le 13 Décembre 1891*

MỤC LỤC

	Pages
1 Général Joffre	9
2 » Pau	10
3 » Foch.....	12
4 » Castelnau	13
5 » Gouraud	14
6 » De Mand'huy.....	15
7 » Dubail	16
8 Grand Duc Nicolas	17
9 Amiral Lapeyrère	17
10 Albert 1 ^{er} et Sa reine Elisabeth.....	18
11 Amiral J. Jellicoe.....	20
12 Général Cadorna.....	20
13 Canon 75.....	21



IMPRIMERIE TONKINOISE
LÊ-VĂN-PHÚC